

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2017

“Về việc xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà:* Ông **Châu Văn Sang**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
 2. Bà **Lương Thị Kim Vân**
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Phan Thị Nhã Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 432/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc “Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Tổ 13, khóm MPCL, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: **Trần Văn T**, sinh năm 1969.
Địa chỉ: tổ 13, khóm MPCL, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.
(*Bà L có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Trần Văn T sống chung từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu, ông bà hạnh phúc, sau đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp. Ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà L đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông T, hai bên không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 14/7/1991 và Trần Minh Hi, sinh ngày 13/10/1994. Hiện các con đã trưởng thành, khi ly hôn bà L không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày trong biên bản hòa giải ngày 07/8/2017:

- Về hôn nhân: ông T thừa nhận lời trình bày của bà L về thời gian chung sống cũng như việc không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay ông T nhận thấy không còn tình cảm với bà L, nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 14/7/1991 và Trần Minh Hi, sinh ngày 13/10/1994. Hiện các con đã trưởng thành, khi ly hôn bà L không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào trình bày của bà Nguyễn Thị Trúc L, nội dung đơn khởi kiện ngày 06/7/2017 của bà và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, địa chỉ của bị đơn ông Trần Văn T tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự còn lại.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Trần Văn T sống chung từ năm 1989, nhưng bà L và ông T không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung bà L và ông T không tạo lập tài sản chung, không cho ai nợ và cũng không nợ ai. Bà L và ông T có 02 con chung tên Trần Minh Hiếu, sinh ngày 14/7/1991 và Trần Minh Hiền, sinh ngày 13/10/1994, hiện các con đã trưởng thành. Vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc gia đình và đã ly thân vào đầu năm 2017 nên nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông T. Phía ông T xác định không còn tình cảm gì

với bà L, điều này cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích. Do đó, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trung và ông Trung đồng ý là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, việc xin ly hôn của bà L xét thấy giữa bà L và ông Trung không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội Đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

- Về con chung: Bà L và ông Trung có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 14/7/1991 và Trần Minh Hi, sinh ngày 13/10/1994 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông T thống nhất không có tài sản chung, không nợ ai, cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về trách nhiệm chịu án phí:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.*

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trúc L.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

* **Về án phí:**

Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 15706 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bà L được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Châu Văn Sang